

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày 13-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Đức Từ

Bà Bùi Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/TB-TA ngày 05 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn M, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1998 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q (đã chết) và bà Phạm Thị M; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 04 tháng 4 năm 2022, tạm giam từ ngày 13 tháng 4 năm 2022; có mặt.

2. Lê Quang T, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1997 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang T và bà Hoàng Thị Thúy M; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 04 tháng 4 năm 2022, tạm giam từ ngày 13 tháng 4 năm 2022; có mặt.

3. Phạm Lê P, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1998 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Phạm Văn S và bà Lê Thúy H; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 04 tháng 4 năm 2022, tạm giam từ ngày 13 tháng 4 năm 2022; có mặt.

4. Phạm Thị T (tên gọi khác Kim A), sinh ngày 02 tháng 5 năm 1992 tại Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức Kh và bà Phan Thị C; có chồng là Ngô Văn C (đã ly hôn), có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 04 tháng 4 năm 2022, tạm giam từ ngày 13 tháng 4 năm 2022; có mặt.

5. Quách Thị M (tên gọi khác Q), sinh ngày 10 tháng 10 năm 1990 tại Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Số 5/129 đường Quốc lộ 5, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn T và bà Lục Thị N; chồng con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 04 tháng 4 năm 2022, tạm giam từ ngày 13 tháng 4 năm 2022; có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Quách Thị M:* Ông Phạm Duy Khoa - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Người làm chứng:* Chị Phạm Thị T, chị Đoàn Thị H và chị Chích Thị N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 00 phút ngày 03 tháng 4 năm 2022, tổ công tác Công an xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng T hành kiểm tra quán Karaoke Thanh Thúy, địa chỉ: thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, do Phạm Thị T, sinh năm 1985 làm chủ, phát hiện tại phòng hát số 02 của quán, 06 đối tượng có biểu hiện tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Phạm Văn M; Lê Quang T; Phạm Lê P; Phạm Thị T; Đoàn Thị H, sinh năm 1995 (**Nơi cư trú thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng**); Chích Thị N, sinh năm 2002 (**Nơi cư trú bản L, xã C huyện K, tỉnh Nghệ An**). Ngoài ra, tại thời điểm kiểm tra, còn có Phạm Thị T (chủ quán) và Quách Thị M.

Tổ công tác và Công an huyện An Dương đã lập biên bản kiểm tra, tiến hành khám nghiệm hiện trường, đã thu giữ:

Tại phòng hát số 02: 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục, kích thước 25x18cm (Mẫu HT07) bên trên có một ít chất bột màu trắng, nghi là chất ma túy (Mẫu HT02); 01 thẻ nhựa ATM ngân hàng Vietcombank, mang tên “HOANG THI HUE” (Mẫu HT03); 01 túi nilon màu trắng, kích thước 5x6cm, bên trong có 01 mảnh nén màu hồng, kích thước 7x5x4mm (Mẫu HT01); thu trên ghế 01 mảnh

viên nén màu xanh, kích thước 09 x 06 x 04mm (Mẫu HT04); 01 mảnh viên nén màu xanh, kích thước 8x6x4mm (Mẫu HT05); 01 túi nilon màu trắng, kích thước 2,5x2,5cm, bên trong có bắm dính chất màu trắng (Mẫu HT06); 02 loa màu đen, nhãn hiệu Pro Sound, 02 loa Black Line F12, 01 thiết bị âm thanh ký hiệu HF 680, 01 thiết bị âm thanh, ký hiệu Kiwi A8, 01 thiết bị âm thanh, ký hiệu PL-41000, 01 thiết bị âm thanh ký hiệu XT-15, 01 thiết bị đèn Led, 01 máy tính Ipad và 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, có gắn ốp nhựa, trong ốp có tờ tiền 200.000 đồng và 500.000 đồng của Phạm Thị T; 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax của Phạm Thị T; 01 điện thoại di động Iphone 6s của Lê Quang T; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax của Phạm Văn M; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, 01 điện thoại Nokia loại bàn phím số và 03 thẻ ATM của Quách Thị M; 01 điện thoại di động Iphone 11 của Đoàn Thị H; 01 điện thoại di động Iphone Xsmax của Trích Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Phạm Lê P.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Quách Thị M tại số 5/129 đường Q, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì.

Các mẫu nước tiểu của Phạm Văn M, Lê Quang T, Phạm Lê P, Đoàn Thị H, Phạm Thị T, Trích Thị N, đều tìm thấy chất ma túy, loại: MDMA và Ketamine.

Tại Kết luận giám định số 132/KL-KTHS(MT) ngày 08/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Mảnh viên nén của Mẫu HT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,14 gam, là loại: MDMA. Chất bột của Mẫu HT02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,32 gam, là loại: Ketamine. Mảnh viên nén của Mẫu HT04 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,09 gam, là loại: MDMA. Mảnh viên nén của Mẫu HT05 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,18 gam, là loại: MDMA. Chất bột màu trắng bắm dính trong vỏ túi nilon của Mẫu HT06 là ma túy, loại: Ketamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng chất ma túy bắm dính.

Trung cầu giám định dấu vết đường vân trên thẻ nhựa ATM (Mẫu HT03) và chiếc đĩa sữ (Mẫu HT07). Tại bản kết luận giám định số 25/KL-KTHS(ĐV) ngày 08/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng xác định: Trên chiếc đĩa sữ phát hiện 08 dấu vết vân tay (ký hiệu: DV1, DV2, DV3, DV4, DV5, DV6, DV7, DV8). Trên chiếc thẻ nhựa ATM phát hiện 04 dấu vết vân tay (ký hiệu: DV9, DV10, DV11, DV12). Dấu vết DV3, DV4, DV5, DV7, DV8, DV9, DV10, DV11, DV12 không đủ yếu tố giám định. Các dấu vết DV1, DV2, DV6 trùng với dấu vân tay của Phạm Lê P.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn M, Lê Quang T, Phạm Lê P, Phạm Thị T, Quách Thị M khai: Khoảng 16 giờ ngày 03/4/2022, M, T và P rủ nhau đi sử dụng ma túy, M đề xuất ứng tiền trước mua để mua ma túy, thuê phòng sử dụng ma túy, hết bao nhiêu tiền sẽ chia đều cho cả ba, T và P sẽ trả tiền cho M. M gọi điện cho T - chủ quán karaoke Thanh Thúy đặt phòng hát và bảo T gọi cho 03 nhân viên rồi tiếp tục gọi điện thoại cho 01 đối tượng nữ giới có tài khoản zalo “Thảo Thảo” (hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch) hỏi mua 02 túi ma túy “ke”, 02 viên ma túy “kẹo”. Do trước đó M đã mua ma túy của Thảo nên Thảo bảo M đến quán bán

quần áo nữ ở khu vực cầu Hồ, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, ma túy để trong đôi giày màu xanh, trong tủ giày, kê ở gần cửa phụ phía sau nhà, tiền trả sau. M điều khiển xe mô tô chở T, P đi lấy ma túy. Khi đi đến cổng trường VMU thuộc địa phận phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, P xuống xe đứng chờ. M điều khiển xe chở T đến nơi hẹn. M một mình đi vào lấy được 02 túi ma túy “ke”, 01 túi nilon bên trong có 02 viên ma túy “kẹo” để sẵn trong tủ giày. M cất ma túy vào túi quần, điều khiển xe chở T đi đón P rồi cùng đến quán Karaoke Thanh Thúy. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T đưa cả ba vào phòng hát số 02 của quán rồi nhờ M trông hộ quán để T đi ăn. Khi vào phòng hát, M đưa T 02 túi ma túy “ke” và 01 túi ma túy “kẹo” rồi ra ngoài. T hỏi P sử dụng cả hay nửa viên, P bảo một nửa. T lấy 01 viên ma túy “kẹo” bẻ làm đôi, đưa cho P một nửa, P sử dụng luôn. Số ma túy còn lại T để xuống mặt bàn. Một lúc sau, T, H là 02 nhân viên của quán và M đi vào phòng. M lấy nửa viên ma túy sử dụng và bẻ đôi một viên ma túy còn lại trong túi đưa cho T và H mỗi người một nửa. H sử dụng bằng nước uống coca do P đưa, còn T không sử dụng mà vút vào bồn cầu nhà vệ sinh. Sau đó, T đi ra quầy lễ tân gặp M hỏi mượn đĩa sứ và thẻ nhựa. M lấy đĩa sứ và thẻ nhựa có sẵn ở trên quầy đưa cho T. Khi hỏi mượn đĩa sứ và thẻ nhựa, T không nói sử dụng vào mục đích gì, M cũng không hỏi. T cầm đĩa sứ và thẻ nhựa đi vào phòng, dùng bật lửa đốt giấy hơi nóng đĩa sứ. Sau đó, T đổ 01 gói ma túy “ke” ra đĩa, dùng thẻ nhựa đánh, kẻ 03 đường “ke” trên đĩa. Sau khi đánh, kẻ “ke” xong, T lấy từ trong túi quần ra tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, cuộn thành ống hút và sử dụng hết 03 đường “ke”. T tiếp tục kẻ 04 đường “ke” trên đĩa rồi đặt đĩa “ke” xuống bàn nói “ai chơi thì chơi”. P, M, T, H lần lượt sử dụng ma túy “ke” trên đĩa sứ do T kẻ. Sau đó, N là nhân viên của quán đi vào phòng. T mời N sử dụng ma túy “ke” nhưng N bảo thích sử dụng ma túy “kẹo”. M nhờ T hỏi mua hộ 02 viên ma túy “kẹo”. T ra gặp M nhờ mua hộ. M đi vào trong phòng ngủ của T kiểm tra thấy còn 02 viên ma túy “kẹo” được gói bằng giấy ăn, giấu sau bàn trang điểm nên đi ra bảo T đưa tiền trước. T vào bảo M, M đi ra gặp M, cả hai thỏa thuận 02 viên ma túy “kẹo” giá 800.000 đồng. Do không có tiền mặt nên M chuyển khoản 800.000 đồng vào tài khoản của M rồi quay vào phòng. Một lúc sau, M đứng bên ngoài cửa phòng hát vẫy T ra, đưa cho T 02 viên ma túy “kẹo”. T mang 02 viên ma túy “kẹo” vào cho M, M bảo đưa cho N. T đưa 01 viên ma túy “kẹo” cho N, còn 01 viên T sử dụng hết. N bẻ làm đôi viên ma túy, sử dụng 01 nửa, nửa còn lại đưa cho T, T cho vào túi nilon, để trên mặt bàn, không sử dụng. Khoảng 15 phút sau, T tiếp tục đổ túi ma túy “ke” còn lại ra đĩa để sử dụng rồi đưa cho N. N sử dụng xong để lại mặt bàn. Sau đó, lần lượt P, H, M, T sử dụng ma túy “ke” trên đĩa, Phòng kẻ một đường ma túy “ke” trên đĩa mời H. Các đối tượng sử dụng ma túy đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Công an kiểm tra, phát hiện.

Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã truy tố: Các bị cáo Phạm Văn M, Lê Quang T và Phạm Lê P về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Thị T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự; bị cáo Quách Thị M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Các bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như nội dung Cáo trạng; sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 52; các điều 17; 38 và 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các điều 17; 38 và 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Quang T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các điều 17; 38 và 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Lê P từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các điều 17; 38 và 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị T từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Quách Thị M từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và 01 đĩa sù; Trả lại cơ quan điều tra 01 thẻ ATM mang tên Hoàng Thị Huệ; Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 6 Plus của Quách Thị M và 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu xanh của Phạm Văn M; Trả lại: 01 điện thoại Nokia màu xám và 03 thẻ AMT cho Quách Thị M, 01 điện Iphone 11 Promax màu xanh cho Phạm Thị T, 01 điện thoại Iphone 6s màu vàng cho Lê Quang T và 01 điện thoại Oppo màu xanh cho Phạm Lê P.

Về án phí: Các bị cáo M, T, P, T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo M được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Quan điểm của người bào chữa cho bị Quách Thị M: Đồng ý với tội danh, điều luật áp dụng do Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo M. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo M vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên ở địa pH có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế để xem xét quyết định cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo mức khởi điểm mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Theo quy định của pháp luật thì trường hợp bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở địa pH có điều kiện kinh tế - xã

hội đặc biệt khó khăn không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không đồng ý với quan điểm bào chữa của người bào chữa và giữ nguyên điều luật đề nghị áp dụng với bị cáo M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội và tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, phù hợp với biên bản kiểm tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, với các kết luận giám định và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định:

[2.1] Chiều tối ngày 03/4/2022 Phạm Văn M, Lê Quang T, Phạm Lê P bàn bạc với nhau về việc chung tiền mua ma túy sử dụng, M là người đề xuất ứng tiền mua ma túy, thuê phòng hát và nhân viên phục vụ, hết bao nhiêu tiền chia đều, T và P sẽ thanh toán lại tiền cho M. M chở T và P đi mua ma túy tại Quán Toan, sau đó M gọi điện cho chủ quán Karaoke Thanh Thúy để đặt phòng và nhân viên phục vụ. Trong thời gian từ 20 giờ đến 23 giờ 00 phút ngày 03/4/2022, tại quán Karaoke Thanh Thúy (địa chỉ thôn 1, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng) Phạm Văn M, Lê Quang T, Phạm Lê P đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bằng số ma túy mà M, P, T mua trước đó. Bị cáo T đưa ma túy kẹo cho P sử dụng; chuẩn bị đĩa, thẻ, ống hút, đồ ma túy ketamine ra đĩa, đốt giấy hơ nóng đĩa sứ, dùng thẻ ATM đánh nhuyễn ma túy, kẻ ma túy thành đường thẳng để M, T, P, N, H, T sử dụng ma túy trái phép. Bị cáo Phạm Lê P đưa nước cho H sử dụng ma túy kẹo và kẻ ma túy Ketamine cho H sử dụng. Bị cáo Phạm Thị T giúp M mua ma túy kẹo tại quán Karaoke Thanh Thúy và đưa ma túy kẹo cho N sử dụng. Cùng thời gian trên bị cáo Quách Thị M đã có hành vi bán trái phép hai viên ma túy kẹo – ma túy MDMA cho Phạm Văn M.

[2.2] Như vậy, đủ cơ sở kết luận, các bị cáo Phạm Văn M, Lê Quang T, Phạm Lê P và Phạm Thị T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 255 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Quách Thị M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Phạm Văn M, Lê Quang T và Phạm Lê P cùng nhau chung tiền mua ma túy, thuê phòng hát, chuẩn bị dụng cụ để cùng sử dụng ma túy và cho N, T, H sử dụng ma túy nên hành vi nêu trên của các bị cáo

M, T, P đều thuộc trường hợp phạm tội “Đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Thị T giúp M mua ma túy và đưa ma túy cho 01 người sử dụng là Trích Thị N nên hành vi của T chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý, sử dụng chất ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người và lan tràn tệ nạn nghiện hút. Mặt khác ma túy vẫn là một tệ nạn xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác nên cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về phân hóa vai trò của các bị cáo: Các bị cáo Phạm Văn M, Lê Quang T và Phạm Lê P thống nhất cùng nhau chung tiền mua ma túy, thuê phòng hát để cùng nhau sử dụng ma túy và cho các nhân viên phục vụ là N, T, H sử dụng ma túy. Bị cáo M là người đề xuất ứng tiền mua ma túy, trực tiếp thuê phòng hát, mua ma túy; bị cáo T là người trực tiếp chuẩn bị đĩa, ống hút, kẻ ma túy, mời P, M và các nhân viên phục vụ sử dụng ma túy; bị cáo P đưa nước và kẻ ma túy cho H sử dụng nên đánh giá vai trò của bị cáo M, T ngang nhau và cao nhất; bị cáo P có vai trò sau bị cáo M và bị cáo T. Bị cáo Phạm Thị T giúp M mua ma túy để sử dụng và đưa ma túy cho N sử dụng nên vai trò của bị cáo T thấp nhất trong hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt:

[6.1] Các bị cáo không phải chịu tình tiết nặng trách nhiệm hình sự.

[6.2] Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T, P đều có thời gian tham gia quân đội, bị cáo T có bố để được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên các bị cáo T, P và T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo M là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng theo quy định của pháp luật đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[6.3] Về hình phạt chính: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên áp dụng mức hình phạt tù khởi điểm đối với từng bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6.4] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất, mức độ phạm tội và hoàn cảnh gia đình của bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Đối với số ma túy thu giữ trong vụ án trong đó ma túy màu hồng là của bị cáo M mua từ M còn hai viên ma túy màu xanh không xác định được nguồn gốc đều là vật Nhà nước cấm lưu hành và 01 đĩa sứ màu trắng là dụng cụ các bị cáo sử dụng ma túy, giá trị nhỏ nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 thẻ

ATM mang tên Hoàng Thị Huệ là dụng cụ các bị cáo sử dụng ma túy, hiện chưa xác định được thông tin của chủ thẻ nên trả lại cơ quan điều tra xử lý sau. Điện thoại Iphone 6 Plus của M và điện thoại Iphone 12 Promax màu xanh của M đều sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Điện thoại Nokia màu xám và 03 thẻ ATM thu của M, điện Iphone 11 Promax màu xanh của T, điện thoại Iphone 6s màu vàng của T và điện thoại Oppo màu xanh của P không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo. Đối với các thiết bị âm thanh, điện thoại di động Iphone 13 Promax, số tiền 700.000 đồng thu của Phạm Thị T; 01 điện thoại di động Iphone 11 của Đoàn Thị H và 01 điện thoại di động Iphone Xsmax của Trích Thị N không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan Công an đã trả lại cho T, H và N.

[8] Về các vấn đề khác: Hai viên ma túy “keo” M bán cho Phạm Văn M, M khai là của Nguyễn Đăng A, sinh năm 1992, trú tại xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng nhờ M bán hộ. Hiện tại, A vắng mặt tại địa phương, chưa có lời khai nên cơ quan Công an tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau; Đối tượng nữ giới đã bán ma túy cho Phạm Văn M, M chỉ liên hệ qua zalo, không có số điện thoại và không biết nhân thân, lai lịch nên cơ quan công an tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau; Hai mảnh viên nén ma túy màu xanh thu giữ trong vụ án, các đối tượng khai không phải là ma túy do các đối tượng đem đến, không biết là của ai nên cơ quan Công tiếp tục xác M làm rõ xử lý sau; Hành vi của Quách Thị M cho Lê Quang T mượn đĩa sứ, thẻ nhựa nhưng khi hỏi mượn T không nói cho M biết mục đích và M không biết T cùng các đối tượng mượn để sử dụng ma túy nên chưa đủ căn cứ để khởi tố đối với M về tội Tổ chức trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Đối với Đoàn Thị H, Trích Thị N có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Phạm Thị T là chủ quán karaoke Thanh Thủy tuy không biết các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy nhưng để xảy ra tình trạng các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại quán nên Công an huyện An Dương đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Văn M, Lê Quang T, Phạm Lê P và Phạm Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bị cáo Quách Thị M là người dân tộc thiểu số sinh sống ở địa pH có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38 và 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn M 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38 và 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quang T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38 và 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Lê P 07 (Bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38 và 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị T (tên gọi khác M Anh) 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Quách Thị M (tên gọi khác Q) 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày 04 tháng 4 năm 2022. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao bì có dấu niêm P số 132MT/PC09 và 01 đĩa sù. Chuyển lại cơ quan điều tra xử lý sau đối với 01 thẻ ATM mang tên Hoàng Thị Huệ. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 6 Plus của Quách Thị M và 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu xanh của Phạm Văn M. Trả lại: 01 điện thoại Nokia màu xám và 03 thẻ ATM cho Quách Thị M, 01 điện Iphone 11 Promax màu xanh cho Phạm Thị T, 01 điện thoại Iphone 6s màu vàng cho Lê Quang T và 01 điện thoại Oppo màu xanh cho Phạm Lê P. (Đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Căn cứ **khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm đ Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị** quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Phạm Văn M, Lê Quang T, Phạm Lê P, Phạm Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo Quách Thị M được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương;

- Trại Tạm giam Công an T.P Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Phòng PV 06, PC 10 Công an T.P Hải Phòng;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Liên